

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST  
Ngày: 25-01-2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Châu

2. Ông Lý Thanh Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Thái Văn C; địa chỉ: ấp P, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Kim Điền P, địa chỉ: Số xx, Đường H, ấp C1, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 12-3-2021 (có đơn yêu cầu xét xử mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị U; địa chỉ: ấp M2, xã M3, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: ấp M2, xã M3, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Văn C là ông Kim Điền P trình bày:

Nguyên vào ngày 17-03-2020, ông C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); lãi suất thỏa thuận 5%/tháng; mục đích vay theo bà U, ông T nói là để trị bệnh cho ông T; thời hạn vay là 03 tháng sẽ trả vốn và lãi, việc vay không có lập giấy tờ. Sau khi vay tiền đến hạn 03 tháng, vợ chồng bà U và ông T không thực hiện trả vốn và lãi suất như thỏa thuận. Đến ngày 10-02-2021, vợ chồng bà U và ông T có trả cho ông C được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi. Sau đó, ông C nhiều lần yêu cầu bà U, ông T trả tiền nhưng bà U, ông T không trả và cố tình tránh né nên ông C có làm đơn yêu cầu hòa giải tại Ban nhân dân ấp M2, tại biên bản hòa giải thì bà U, ông T thừa nhận có nợ ông C số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và xin được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng ông C không đồng ý.

Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho ông C số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); và tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày vay (17-03-2020) đến ngày 09-02-2021 làm tròn 11 tháng, bằng số tiền 3.652.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng) và tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 09-02-2021 cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Bà U thống nhất vào ngày 17-3-2020, bà U và chồng là ông Nguyễn Văn T có vay của ông C số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau khi vay, bà U và ông T có trả tiền lãi cho ông C được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 10-02-2021. Nay ông C khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số tiền vay và tiền lãi thì bà U đồng ý trả cho ông C toàn bộ tiền vốn vay và lãi sau khi trừ 2.000.000 đồng tiền lãi đã trả trước cho ông C. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà U yêu cầu được trả tiền trong thời hạn 04 tháng.

*\* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T do bà Nguyễn Thị U là vợ sống cùng địa chỉ nhận thay và cam đoan giao lại cho ông T, nhưng ông T không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh ghi ý kiến của ông T tại nơi cư trú nhưng không được nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Điền P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có nộp Tờ tường trình yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà U và ông T phải liên đới thanh toán một lần cho ông C toàn bộ số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, kể từ ngày vay tiền (17-03-2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (25-01-2022) làm tròn 22 tháng và sau khi trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà các bị đơn đã trả trước còn lại là 5.304.000 đồng (Năm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng), tổng cộng là 25.304.000 đồng (Hai mươi năm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì thêm; đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập

tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T chưa chấp hành nghiêm theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn ông Thái Văn C yêu cầu các bị đơn bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông C số tiền vay và tiền lãi theo quy định pháp luật nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Điền P, bị đơn bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Điền P và bị đơn bà Nguyễn Thị U đều thống nhất trình bày: Vào ngày 17-03-2020, ông C có cho vợ chồng bà U và ông T vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), sau khi vay tiền đến ngày 10-02-2021, bà U và ông T có trả cho ông C được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi, bà U và ông T còn nợ ông C số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày 10-02-2021 là 1.652.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng). Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông T, kể từ Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định các bị đơn bà U và ông T còn nợ nguyên đơn ông C số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là đúng sự thật. Đối chiếu với Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì việc ông C yêu cầu bà U và ông T phải liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về thời hạn và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Trong quá

trình giải quyết vụ án, bà U trình bày đồng ý trả số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho ông C, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được trả dần trong thời hạn 4 tháng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông P không đồng ý và yêu cầu các bị đơn phải trả hết số tiền vốn vay còn nợ một lần cho ông C. Theo khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền*”. Như vậy, giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông P và các bị đơn bà U và ông T không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả nợ, thời gian trả nợ; mặt khác, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày vay, hiện nay đã quá hạn trả nợ nên đề nghị của bà U là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về khoản tiền lãi của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có tranh chấp về mức lãi suất, các bên cũng thống nhất kể từ khi vay tiền đến 10-02-2021, các bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Mặt khác, tại Tờ tường trình ngày 24-01-2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông P cũng chỉ yêu cầu buộc các bị đơn trả tiền lãi đối số tiền vốn vay còn nợ, kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 22 tháng, theo mức lãi suất 1,66%/tháng và đồng ý khấu trừ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi đã trước. Đối chiếu Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi các bị đơn bà U và ông T phải thanh toán đối với khoản tiền vốn vay còn nợ là  $(20.000.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng}) - 2.000.000 \text{ đồng} = 5.304.000 \text{ đồng}$  (Năm triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn bà U và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán là 1.265.200 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 278; Điều 280; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn C. Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Thái Văn C bao gồm:

- Tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- Tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25-01-2022 là: 5.304.000 đồng (Năm triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng);

Tổng cộng là: 25.304.000 đồng (Hai mươi năm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25-01-2022) bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi thanh toán hết số tiền vốn vay cho ông Thái Văn C

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thái Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 591.000 đồng (Năm trăm chín mươi một nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008992 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.265.200 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Luân**